TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 105/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 20 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim T Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trí Th Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Trí Th và bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Các đương sự có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2017 do Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 cấp ngày 26/12/2017 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà T là hợp pháp.

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Nguyễn Trí Th và bà Nguyễn Thị Kim T.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T và ông Th có 01 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 24/3/2018. Ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi con số T 2.000.000 đồng/tháng.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trí Th và bà Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2017 do Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 cấp ngày 26/12/2017).

- Về con chung: Bà T và ông Th có 01 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 24/3/2018. Ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Th cấp dưỡng nuôi con số T 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ thời điểm quyết định có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản T, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số T tạm ứng lệ phí mà bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027413 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T đã nộp đủ lệ phí. Ông Th không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi